

NGHỊ QUYẾT

**Về việc thông qua giá sản phẩm, dịch vụ công ích thủy lợi
năm 2021 trên địa bàn tỉnh Hưng Yên**

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH HƯNG YÊN
KHÓA XVII KỲ HỌP THỨ NĂM**

*Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;
Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức chính phủ và Luật Tổ chức
chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;*

Căn cứ Luật Giá ngày 20 tháng 6 năm 2012;

Căn cứ Luật Thủy lợi ngày 19 tháng 6 năm 2017;

*Căn cứ các Nghị định của Chính phủ: số 177/2013/NĐ-CP ngày 14 tháng
11 năm 2013 quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Giá;
số 96/2018/NĐ-CP ngày 30 tháng 6 năm 2018 quy định chi tiết về giá sản phẩm,
dịch vụ thủy lợi và hỗ trợ tiền sử dụng sản phẩm, dịch vụ công ích thủy lợi; số
149/2016/NĐ-CP ngày 11 tháng 11 năm 2016 sửa đổi, bổ sung một số điều của
Nghị định số 177/2013/NĐ-CP ngày 14 tháng 11 năm 2013 của Chính phủ quy
định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Giá;*

*Căn cứ các Thông tư của Bộ trưởng Bộ Tài chính: số 25/2014/TT-BTC
ngày 17 tháng 02 năm 2014 về quy định phương pháp định giá chung đối với
hàng hoá dịch vụ; số 56/2014/TT-BTC ngày 28 tháng 4 năm 2014 hướng dẫn
thực hiện Nghị định số 177/2013/NĐ-CP ngày 14 tháng 11 năm 2013 của Chính
phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Giá; số
233/2016/TT-BTC ngày 11 tháng 11 năm 2016 sửa đổi, bổ sung một số điều
của Thông tư số 56/2014/TT-BTC;*

*Căn cứ Quyết định số 1477/QĐ-BTC ngày 05 tháng 8 năm 2021 của Bộ
trưởng Bộ Tài chính về giá tối đa sản phẩm dịch vụ công ích thủy lợi năm 2021;*

*Xét Tờ trình số 242/TTr-UBND ngày 01 tháng 12 năm 2021 của Ủy ban
nhân dân tỉnh về giá sản phẩm, dịch vụ công ích thủy lợi năm 2021 trên địa bàn
tỉnh Hưng Yên; Báo cáo thẩm tra số 927/BC-KTNS ngày 01 tháng 12 năm 2021
của Ban Kinh tế - Ngân sách; ý kiến thảo luận và kết quả biểu quyết của các vị
đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh tại kỳ họp.*

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1. Thông qua giá sản phẩm, dịch vụ công ích thủy lợi năm 2021 trên
địa bàn tỉnh cụ thể như sau:

1. Đối với đất trồng lúa

TT	Biện pháp công trình	Giá (1.000đồng/ha/vụ)
1	Tưới tiêu động lực	1.646
2	Tưới tiêu trọng lực	1.152
3	Tưới tiêu trọng lực kết hợp với động lực	1.399
4	Tưới động lực, tiêu trọng lực	1.498
5	Tưới trọng lực, tiêu động lực	1.300
6	Tạo nguồn bậc 2, tưới tiêu động lực	1.975
7	Tạo nguồn bậc 2, tưới tiêu trọng lực	1.382
8	Tạo nguồn bậc 2 tưới động lực, tiêu trọng lực	1.778
9	Tạo nguồn tưới, tiêu động lực	823
10	Tạo nguồn tưới, tiêu trọng lực	461

2. Đối với diện tích trồng mạ, rau, màu, cây công nghiệp ngắn ngày kể cả cây vụ Đông thì mức giá bằng 40% mức giá quy định tại khoản 1 Điều 1 của Nghị quyết này.

3. Trường hợp cấp nước tưới cho cây công nghiệp dài ngày, hoa, cây ăn quả, cây cảnh, cây dược liệu: mức giá bằng 1.020 đồng/m³ cho cấp nước bằng động lực, bằng 840 đồng/m³ cho cấp nước bằng trọng lực; nếu không tính được theo mét khối (m³) thì tính theo diện tích (ha), mức giá bằng 80% mức giá đối với đất trồng lúa cho 1 năm.

4. Trường hợp cấp nước để nuôi trồng thủy sản: mức giá bằng 840 đồng/m³ cho cấp nước bằng động lực, bằng 600 đồng/m³ cho cấp nước bằng trọng lực; nếu không tính được theo mét khối (m³) thì tính theo diện tích (ha), mức giá bằng 2.500.000 đồng/ha/năm.

5. Tiêu nước cho khu vực nông thôn và đô thị trừ vùng nội thị: mức giá bằng 82.300 đồng/ha/vụ cho tiêu bằng động lực, bằng 57.600 đồng/ha/vụ cho tiêu bằng trọng lực.

6. Giá sản phẩm, dịch vụ công ích thủy lợi là giá không có thuế giá trị gia tăng. Mức giá này được áp dụng cho cả năm ngân sách năm 2021.

Điều 2. Tổ chức thực hiện

1. Hội đồng nhân dân tỉnh giao Ủy ban nhân dân tỉnh tổ chức triển khai thực hiện Nghị quyết này đảm bảo đúng quy định của pháp luật.

2. Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh, các Ban của Hội đồng nhân dân tỉnh, các tổ đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh và các đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh căn cứ chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn theo quy định của pháp luật giám sát việc thực hiện Nghị quyết này.

Nghị quyết này được Hội đồng nhân dân tỉnh khóa XVII kỳ họp thứ Năm nhất trí thông qua ngày 08 tháng 12 năm 2021 và có hiệu lực kể từ ngày Hội đồng nhân dân tỉnh thông qua./

Nơi nhận:

- Ủy ban Thường vụ Quốc hội;
- Chính phủ;
- Văn phòng Quốc hội;
- Văn phòng Chính phủ;
- Ban Công tác đại biểu thuộc UBTWQH;
- Bộ Tài chính;
- Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn;
- Ban Thường vụ Tỉnh ủy;
- Thường trực HĐND, UBND tỉnh;
- UBMTTQ Việt Nam tỉnh;
- Đoàn ĐBQH tỉnh;
- Các vị đại biểu HĐND tỉnh;
- Các sở, ban, ngành, đoàn thể tỉnh;
- Văn phòng: Tỉnh ủy, Đoàn ĐBQH & HĐND tỉnh, UBND tỉnh;
- TT HĐND, UBND, UBMTTQ huyện, thị xã, TP;
- Trung tâm Thông tin-Hội nghị tỉnh;
- Lưu: VT.



CHỦ TỊCH

Trần Quốc Toàn